TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 4 - 2020
V/v: "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Bà Đoàn Thanh Thúy.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Lê Quốc Từng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXX - ST, ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy A, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1985; địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thúy A trình bày:

Chị và chồng là anh Nguyễn Văn K tự quen biết nhau, kết hôn năm 2010, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh K. Vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 9/2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Quá trình chung sống anh, chị có 02 đứa con chung là Nguyễn Trần Minh Th, sinh ngày 03/5/2010 và Nguyễn Trần NY, sinh ngày 24/3/2012, cháu Thư đang ở với anh K, cháu Ý đang ở với chị. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K. Về nuôi con: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ý và giao cháu Thư cho anh K nuôi dưỡng. Chị và anh K không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 20/3/2020 chị A gửi đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Nguyễn Văn K đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh K đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh K vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2020 cháu Nguyễn Trần NY có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 11/3/2020 cháu Nguyễn Trần Minh Th có nguyện vọng sống với cha khi cha, mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị Thúy A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn K, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh K với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Kênh Tư, xã B, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị A có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa những vẫn vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của các anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị A, anh K kết hôn vào năm 2010 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh K nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị A có văn bản xác định chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 9/2013. Anh K không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, vợ chồng anh chị sống ly thân đã nhiều năm, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị A yêu cầu được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh, chị có hai đứa con chung tên là Nguyễn Trần Minh Th, sinh ngày 03/5/2010 và Nguyễn Trần NY, sinh ngày 24/3/2012. Cháu Thư đang sống chung với anh K, cháu NY đang sống chung với chị A. Chị Xuyến yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu NY và giao cháu Th cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Th có nguyện vọng sống với cha và cháu NY có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy, yêu cầu của chị A phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật đã được viện dẫn như trên nên được Tòa án chấp nhận. Giao cháu Thư cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Ý cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị A, anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K, chị A có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thúy A được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Nguyễn Trần Minh Th, sinh ngày 03/5/2010 cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Trần NY, sinh ngày 24/3/2012 cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Chị A, anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Th có nguyện vọng sóng với cha, cháu NY có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

3. Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005526 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú